

Câu 1: Quan điểm duy vật cho rằng:

- A. Ý thức có trước, quyết định vật chất
- B. Con người có khả năng nhận thức thế giới
- C. Con người không có khả năng nhận thức thế giới
- D. Vật chất có trước, quyết định ý thức

Câu 2: Phát minh khoa học nào sau đây là căn cứ chứng minh sự chuyển hoá các hình thức vận động, tính vô cùng, vô tận của thế giới?

- A. Thuyết tế bào
- B. Thuyết tiến hoá
- C. Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng
- D. Thuyết nguyên tử

Câu 3: Quá trình Mác - Ăng-ghe-n hình thành và phát triển học thuyết Mác – Lênin gồm bao nhiêu giai đoạn?

- A. Năm
- B. Ba
- C. Bốn
- D. Sáu

Câu 4: Triết học là:

- A. Khoa học của mọi khoa học
- B. Quan điểm chung về thế giới
- C. Thế giới quan
- D. Hệ thống quan điểm chung nhất về thế giới và vị trí, vai trò của con người trong thế giới

Câu 5: Triết học Mác kế thừa trực tiếp:

- A. Triết học cổ đại
- B. Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp
- C. Kinh tế chính trị học cổ điển Anh
- D. Triết học cổ điển Đức

Câu 6: Tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản ra đời năm:

- A. 1848
- B. 1895
- C. 1907
- D. 1917

Câu 7: Chủ nghĩa Mác – Lênin ra đời vào những năm:

- A. 90 của thế kỷ XIX
- B. 40 của thế kỷ XVIII
- C. 40 của thế kỷ XIX
- D. 90 của thế kỷ XVIII

Câu 8: Triết học là:

- A. Hạt nhân của thế giới quan
- B. Một hình thái ý thức xã hội
- C. Hệ thống quan điểm chung nhất về thế giới và vị trí con người trong thế giới
- D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 9: Có bao nhiêu cách trả lời đối với vấn đề cơ bản của triết học?

A. 3

B. 5

C. 4

D. 2

Câu 10: Phương pháp biện chứng là gì?

A. Cách thức người ta sử dụng để đạt mục đích

B. Cách nghiên cứu thế giới trong mối liên hệ vận động, phát triển

C. Các nghiên cứu thế giới trong sự cô lập tĩnh tại

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 11: “Vật chất là lửa” là quan điểm của:

A. Aristot

B. Platon

C. Democrit

D. Heraclit

Câu 12: Sắp xếp các hình thức vận động từ thấp đến cao:

A. cơ học, vật lý, sinh học, xã hội, hoá học

B. vật lý, hoá học, cơ học, sinh học, xã hội

C. cơ học, vật lý, hoá học, sinh học, xã hội

D. hoá học, vật lý, cơ học, sinh học, xã hội

Câu 13: Hạn chế chung của các quan niệm trước Mác về vật chất là:

A. Coi vật chất là vật cụ thể, hữu hình

- B. Đồng nhất vật chất với nguyên tử
- C. Vật chất có nguồn gốc từ ý niệm tuyệt đối
- D. Coi vật chất là vô hạn

Câu 14: Nguyên nhân cuộc khủng hoảng trong triết học duy vật đầu thế kỷ XX:

- A. Coi vật chất là vật cụ thể
- B. Thuyết tương đối của Anh-xtanh
- C. Tôm-xon phát hiện ra điện tử
- D. Quan niệm về vật chất, vận động, không gian, thời gian tách rời nhau

Câu 15: Quan điểm duy tâm cho rằng:

- A. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan
- B. Ý thức quyết định vật chất
- C. Ý thức là sản phẩm của não người
- D. Ý thức có nguồn gốc từ lao động và ngôn ngữ

Câu 16: “Vận động là phương thức tồn tại của vật chất” có nghĩa là:

- A. Vận động là hình thức của sự vật
- B. Thông qua vận động, vật chất biểu hiện sự tồn tại của mình
- C. Vận động là tương đối
- D. Vận động không có quan hệ với vật chất

Câu 17: Chọn phương án đúng khi nói về quan điểm duy vật biện chứng:

- A. Không gian, thời gian, vận động và vật chất tách rời nhau
- B. Nguyên nhân của vận động nằm ngoài sự vật

C. Ý thức tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn

D. Ý thức có trước, quyết định vật chất

Câu 18: Những nhân tố cơ bản, trực tiếp tạo thành nguồn gốc xã hội của ý thức:

A. Lao động và ngôn ngữ

B. Văn hoá và lao động

C. Nhà nước và ngôn ngữ

D. Lao động

Câu 19: Thuộc tính chung nhất của vật chất theo triết học Mác – Lênin là:

A. Tự vận động

B. Cùng tồn tại

C. Tồn tại khách quan

D. Có khả năng phản ánh

Câu 20: Mọi quan hệ giữa vật chất và ý thức được thực hiện thông qua:

A. Hoạt động lý luận

B. Hoạt động suy nghĩ của con người

C. Hoạt động thực tiễn

D. Tất cả các đáp án đều sai

Câu 21: Phép biện chứng duy vật là:

A. Phép biện chứng xác lập trên lập trường của chủ nghĩa duy vật

B. Phép biện chứng của ý niệm tương đối

C. Phép biện chứng do Mác và Ăng-ghe-nơ sáng lập

D. Cả A và C

Câu 22: Biện chứng chủ quan là:

A. Biện chứng khách quan phản ánh vào ý thức

B. Biện chứng của vật chất

C. Bản chất của biện chứng khách quan

D. Cả A và B

Câu 23: Phép biện chứng duy vật có bao nhiêu nguyên lý cơ bản?

A. 4

B. 2

C. 3

D. 6

Câu 24: Số hình thức cơ bản của phép biện chứng:

A. 5

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 25: Nhận định đúng nhất về “mối liên hệ”:

A. Chỉ sự ràng buộc quy định lẫn nhau, đồng thời tác động làm biến đổi lẫn nhau giữa các sự vật hiện tượng

B. Chỉ sự quy định làm tiền đề cho nhau giữa các sự vật hiện tượng

C. Chỉ sự nương tựa vào nhau của các sự vật hiện tượng

D. Cả a, b, c đúng

Câu 26: Yếu tố cơ bản nhất trong kết cấu của ý thức là:

- A. Tri thức
- B. Lý trí
- C. Tư tưởng
- D. Tình cảm

Câu 27: Cái ... là cái toàn bộ, phong phú hơn cái ...

- A. Chung/ Riêng
- B. Chung/ Đơn nhất
- C. Riêng/ Đơn nhất
- D. Riêng/ Chung

Câu 28: Phạm trù chỉ sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau, gây ra một biến đổi nào đó gọi là:

- A. Bản chất
- B. Nội dung
- C. Nguyên nhân
- D. Tất yếu

Câu 29: Cái không do mối liên hệ bản chất bên trong kết cấu vật chất, bên trong sự vật quyết định mà do các nhân tố bên ngoài, do sự ngẫu hợp của nhiều hoàn cảnh bên ngoài quyết định là:

- A. Kết quả
- B. Ngẫu nhiên
- C. Khả năng
- D. Hiện thực

Câu 30: Trong quá trình vận động và phát triển của sự vật, ... giữ vai trò quyết định ...

- A. Hình thức/ Nội dung
- B. Hiện tượng/ Bản chất
- C. Ngẫu nhiên/ Tất nhiên
- D. Nội dung/ Hình thức

Câu 31: Theo phép biện chứng duy vật, cơ sở tạo nên mối liên hệ phổ biến của vạn vật trong thế giới là:

- A. Sự tồn tại của thế giới
- B. Sự thống trị của các lực lượng tinh thần
- C. Ý thức của con người
- D. Tính thống nhất vật chất của thế giới

Câu 32: Phạm trù triết học chỉ những gì hiện có, đang thực sự tồn tại là:

- A. Hiện tượng
- B. Hiện thực
- C. Khả năng
- D. Hình thức

Câu 33: Khả năng là cái hiện thực:

- A. Đã xảy ra
- B. Sẽ xảy ra
- C. Chưa xảy ra
- D. Đang xảy ra



Câu 34: Từ nội dung nguyên lý mối liên hệ phổ biến của phép biện chứng duy vật rút ra nguyên tắc phương pháp luận cho hoạt động nhận thức và thực tiễn:

- A. Nguyên tắc khách quan, nguyên tắc lịch sử - cụ thể
- B. Nguyên tắc khách quan, nguyên tắc toàn diện
- C. Nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc lịch sử - cụ thể
- D. Nguyên tắc khách quan, nguyên tắc lịch sử - cụ thể, nguyên tắc toàn diện

Câu 35: Nhận định đúng theo phép duy vật biện chứng:

- A. Phát triển là xu hướng chung của sự vận động xảy ra trong thế giới vật chất
- B. Phát triển là xu hướng vận động bên ngoài sự ổn định của vật chất
- C. Phát triển là sự vận động luôn tiến bộ của thế giới vật chất
- D. Phát triển là xu hướng vận động cụ thể của từng sự vật cá biệt

Câu 36: Nhận định sai theo phép duy vật biện chứng:

- A. Lượng nói lên quy mô, trình độ phát triển của sự vật
- B. Lượng tồn tại khách quan
- C. Lượng là tính quy định vốn có của sự vật
- D. Lượng phụ thuộc vào nhận thức của não người

Câu 37: Mâu thuẫn biện chứng là:

- A. Sự tác động, bài trừ của hai mặt trái ngược nhau
- B. Sự thống nhất của các mặt đối lập
- C. Sự tác động, bài trừ của nhiều mặt khác nhau của sự vật
- D. Sự độc lập của nhiều mặt tách rời nhau

Câu 38: Các mặt đối lập thế nào sẽ tạo thành một thể thống nhất?

- A. Quy định lẫn nhau
- B. Tác động lẫn nhau
- C. Chuyển hoá lẫn nhau
- D. Cả a, b, c đúng

Câu 39: Chất của sự vật tạo nên từ:

- A. Một thuộc tính
- B. Một thuộc tính cơ bản
- C. Thuộc tính cơ bản và không cơ bản
- D. Nhiều thuộc tính

Câu 40: Bước nhảy là:

- A. Quá trình biến đổi về chất diễn ra tại điểm nút
- B. Hoàn thiện chất
- C. Quá trình thay đổi trong giới hạn độ
- D. Sự đột biến tại điểm nút

Câu 41: Mọi thay đổi về lượng

- A. Không thể ngay lập tức làm thay đổi về chất
- B. Có khả năng làm thay đổi về chất
- C. Ngay lập tức làm thay đổi về chất
- D. Không làm thay đổi về chất

Câu 42: Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại nói lên phương diện nào của sự phát triển?

- A. Xu hướng của sự vận động và phát triển

B. Cách thức của sự vận động và phát triển

C. Nguồn gốc của sự vận động và phát triển

D. Động lực của sự vận động và phát triển

Câu 43: Phủ định biện chứng tất yếu dẫn đến:

A. Sự vật cũ mất đi, sự phát triển tạm thời bị gián đoạn

B. Sự phát triển của sự vật trên cơ sở kế thừa có chọn lọc cái cũ

C. Sự vật cũ mất đi, sự vật mới gặp khó khăn nhưng tất thắng

D. Cả a, b, c đúng

Câu 44: Hình thức cơ bản nhất của hoạt động thực tiễn là:

A. Hoạt động sản xuất vật chất

B. Hoạt động bản năng của con người

C. Hoạt động chính trị - xã hội

D. Hoạt động thực nghiệm khoa học

Câu 45: Hạt nhân của phép biện chứng là:

A. Quy luật phủ định của phủ định

B. Quy luật lượng – chất

C. Quy luật mâu thuẫn

D. Cả a, b, c đúng

Câu 46: Theo phép biện chứng duy vật, thực tiễn là ... của nhận thức:

A. cơ sở, nguồn gốc

B. mục đích

C. động lực

D. Cả a, b, c đúng

Câu 47: Nhận thức lý tính là nhận thức:

A. Trừu tượng, gián tiếp, khái quát, trực quan

B. Sâu sắc, trừu tượng, gián tiếp, khái quát

C. Gián tiếp, sinh động, trừu tượng, khái quát

D. Khái quát, sâu sắc, trực quan, trực tiếp

Câu 48: Khẳng định nào sau đây đúng:

A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan thừa nhận chân lý khách quan

B. Chỉ có chủ nghĩa duy vật biện chứng thừa nhận chân lý khách quan

C. Chủ nghĩa duy tâm khách quan thừa nhận chân lý khách quan

D. Thuyết bất khả tri thừa nhận chân lý khách quan

Câu 49: Hình thức nào không phải nhận thức cảm tính:

A. Cảm giác

B. Tri giác

C. Phán đoán

D. Biểu tượng

Câu 50: Theo C.Mác, con người phải chứng minh chân lý trong:

A. Hoạt động lý luận

B. Hiện thực

C. Hoạt động thực tiễn

C. Một lĩnh vực cụ thể

Câu 51: Theo phép biện chứng duy vật, chân lý tuyệt đối là:

A. tri thức tuyệt đối đúng, phản ánh phù hợp đối tượng trong mọi điều kiện cụ thể

B. tổng vô hạn những chân lý tương đối

C. công thức, sơ đồ lý luận chung của mọi cá nhân, dân tộc, sử dụng trong mọi hoàn cảnh

D. Cả a, b, c đúng

Câu 52: Vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có thể đạt tới chân lý khách quan hay không, hoàn toàn không phải là một vấn đề ...(1)... mà là một vấn đề ...(2)... Chính trong ...(3)... mà con người phải chứng minh chân lý.

A. 1 - thực tiễn, 2 - lý luận, 3 - nhận thức

B. 1 - lý luận, 2 - thực tiễn, 3 - nhận thức

C. 1 - lý luận, 2 - thực tiễn, 3 - thực tiễn

D. 1 - thực tiễn, 2 - lý luận, 3 - thực tiễn

Câu 53: Theo C.Mác, các nền kinh tế căn bản được phân biệt với nhau bởi:

A. Phương thức sản xuất

B. Người lao động

C. Mục đích tự nhiên của quá trình sản xuất

D. Mục đích xã hội của quá trình sản xuất

Câu 54: Yếu tố quyết định, hàng đầu của lực lượng sản xuất là:

A. Người lao động

B. Tư liệu sản xuất

C. Công cụ lao động

D. Đối tượng lao động

Câu 55: Theo quan điểm duy vật lịch sử, để giải thích đúng và triệt để các hiện tượng trong đời sống xã hội, cần phải xuất phát từ:

A. Quan điểm chính trị của giai cấp thống trị

B. Truyền thống văn hoá của dân tộc

C. Ý chí của mọi thành viên trong xã hội

D. Nền sản xuất vật chất của xã hội

Câu 56: Yếu tố nào trong lực lượng sản xuất là “động” nhất?

A. Người lao động

B. Khoa học công nghệ

C. Công cụ lao động

D. Đối tượng lao động

Câu 57: Chọn đáp án sai về quan hệ sản xuất:

A. Quan hệ giữa người với người trong việc sở hữu đối với tư liệu sản xuất

B. Quan hệ giữa người với người trong việc tổ chức và quản lý sản xuất

C. Quan hệ giữa người với người trong việc áp dụng khoa học vào sản xuất

D. Quan hệ giữa người với người trong việc phân phối sản phẩm lao động

Câu 58: Thực chất quá trình sản xuất vật chất là:

A. Con người nhận thức thế giới và bản thân con người trong thế giới

B. Con người thực hiện lợi ích của mình

C. Con người thực hiện sáng tạo trong tư duy

D. Con người thực hiện cải biến giới tự nhiên

Câu 59: Mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất:

- A. Luôn luôn thống nhất với nhau
- B. Luôn luôn đối lập với nhau
- C. Thống nhất và đấu tranh với nhau
- D. Có lúc hoàn toàn đối lập, có lúc hoàn toàn thống nhất

Câu 60: Theo quan điểm duy vật lịch sử, trong mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất:

- A. Quan hệ sản xuất là yếu tố thường xuyên biến đổi
- B. Lực lượng sản xuất là quan hệ thường xuyên biến đổi
- C. Cả 2 yếu tố đều ổn định, ít biến đổi
- D. Cả 2 yếu tố đều thường xuyên biến đổi

Câu 61: Quan hệ cơ bản nhất, quyết định mọi quan hệ khác của xã hội là:

- A. Quan hệ tôn giáo
- B. Quan hệ kinh tế
- C. Quan hệ văn hoá
- D. Quan hệ giai cấp

Câu 62: Khái niệm cơ sở hạ tầng dùng để chỉ:

- A. Quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội
- B. Quan hệ kinh tế trong xã hội
- C. Kết cấu vật chất – kỹ thuật làm cơ sở để phát triển kinh tế
- D. Quan hệ sản xuất của xã hội

Câu 63: Tính đối kháng của kiến trúc thượng tầng, xét cho cùng, quy định bởi:

- A. Mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp
- B. Tranh giành quyền lực chính trị
- C. Xung đột về quan điểm, lối sống
- D. Sự đối kháng trong cơ sở hạ tầng

Câu 64: Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là:

- A. Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng, cơ sở hạ tầng có tính độc lập tương đối so với kiến trúc thượng tầng và tác động trở lại kiến trúc thượng tầng
- B. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối so với cơ sở hạ tầng và tác động trở lại cơ sở hạ tầng
- C. Cơ sở hạ tầng quyết định trực tiếp kiến trúc thượng tầng, kiến trúc thượng tầng quyết định gián tiếp cơ sở hạ tầng
- D. Tùy từng trường hợp mà cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng hoặc kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng

Câu 65: Lực lượng sản xuất có vai trò thế nào trong một hình thái kinh tế - xã hội?

- A. Bảo vệ trật tự kinh tế xã hội
- B. Quy định thái độ và hành vi của con người trong xã hội
- C. Nền tảng vật chất – kỹ thuật của xã hội
- D. Quy định mọi quan hệ xã hội

Câu 66: Quan hệ sản xuất có vai trò thế nào trong một hình thái kinh tế - xã hội?

- A. Bảo vệ trật tự kinh tế xã hội
- B. Quy định thái độ và hành vi của con người trong xã hội
- C. Nền tảng vật chất – kỹ thuật của xã hội
- D. Quy định mọi quan hệ xã hội



Câu 67: Nhân tố quyết định xu hướng phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội:

- A. Ý thức của giai cấp thống trị
- B. Ý chí của nhân dân
- C. Quy luật khách quan
- D. Điều kiện khách quan và chủ quan của mỗi xã hội

Câu 68: Có thể chi ý thức xã hội thành những cấp độ nào?

- A. Ý thức chung và ý thức riêng
- B. Ý thức cá nhân và ý thức tập thể
- C. Ý thức thông thường và ý thức lý luận
- D. Ý thức nhân loại, ý thức dân tộc, ý thức giai cấp

Câu 69: Nguyên nhân cơ bản nhất của cách mạng xã hội là:

- A. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- B. Mâu thuẫn giữa kiến trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị
- D. Cả a, b, c đúng

Câu 70: Điều kiện cơ bản để ý thức xã hội tác động đến tồn tại xã hội là:

- A. Hoạt động thực tiễn của con người
- B. Ý thức của giai cấp tiên bộ trong xã hội
- C. Điều kiện vật chất đầy đủ
- D. Phù hợp với tồn tại xã hội

Câu 71: Nguồn gốc, cơ sở của sự ra đời và tồn tại giai cấp là:

- A. Chiếm hữu nô lệ
- B. Tư hữu về tư liệu sản xuất
- C. Lao động làm thuê
- D. Phân chia thu nhập

Câu 72: Xét đến cùng, mục đích của đấu tranh giai cấp là:

- A. Giải quyết mâu thuẫn giai cấp
- B. lật đổ sự áp bức của giai cấp thống trị phản động, giành chính quyền về tay giai cấp cách mạng
- C. Xoá bỏ chế độ tư hữu
- D. Phát triển sản xuất

Câu 73: Lực lượng cơ bản quyết định mọi sự biến đổi mang tính cách mạng trong xã hội là:

- A. Lãnh tụ
- B. Giai cấp thống trị
- C. Quần chúng nhân dân
- D. Giai cấp, tầng lớp tiên bộ

Câu 74: Theo quan điểm duy tâm khách quan, nhận thức là:

- A. Sự phản ánh thế giới khách quan một cách máy móc
- B. Sự phản ánh hiện thực trong tư duy trên cơ sở thực tiễn
- C. Là phức hợp của cảm giác
- D. Sự hồi tưởng của ý niệm

Câu 75: Câu nói “Bản chất con người là tổng hoà của các quan hệ xã hội” là của:

A. Lenin

B. Karl Marx

C. Engels

D. Hồ Chí Minh

Câu 76: Ý thức xã hội bao gồm:

A. Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính

B. Các lý luận khoa học

C. Tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội

D. Các phong tục, tập quán

Câu 77: Kiến trúc thượng tầng:

A. Luôn tác động tích cực đối với cơ sở hạ tầng

B. Luôn tác động tiêu cực đối với cơ sở hạ tầng

C. Có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực tùy điều kiện nhất định

D. Chỉ tác động đến các yếu tố trong kiến trúc thượng tầng

Câu 78: Nhân tố đảm bảo cho sự thắng lợi cuối cùng của một chế độ xã hội:

A. Năng suất lao động cao hơn

B. Chính trị tiến bộ

C. Văn hoá phát triển, đậm đà bản sắc dân tộc

D. Khoa học phát triển

Câu 79: Theo Ăng-ghe-n, con người là một động vật:

A. Biết tư duy sáng tạo

B. Biết chế tạo và sử dụng công cụ lao động

C. Biết về tự nhiên, xã hội và tư duy

D. Biết về kinh tế, chính trị và văn hoá

Câu 80: Chọn đáp án đúng nhất theo quan điểm duy vật lịch sử:

A. Người ta có thể tùy ý lựa chọn cho mình những mối quan hệ sản xuất nhất định

B. Người ta không thể lựa chọn những quan hệ sản xuất cho mình được

C. Người ta có thể lựa chọn nhưng không thể tùy ý lựa chọn cho mình những quan hệ sản xuất nhất định

D. Người ta có thể lựa chọn những quan hệ sản xuất nhất định trong phạm vi tính tất yếu của trình độ phát triển lực lượng sản xuất hiện thực